

Khu BTTN Hữu Liên

Tên khác

Hữu Liên-Yên Thịnh

Tỉnh

Lạng Sơn

Tình trạng

Nghị định

Ban quản lý được thành lập

Có

Vĩ độ

21°37' - 21°45' vĩ độ Bắc

Kinh độ

106°19' - 106°26' kinh độ Đông

Vùng địa lý sinh học

06a - Nhiệt đới Nam Trung Hoa



Tình trạng bảo tồn

Khu bảo tồn thiên nhiên Hữu Liên cách Hà Nội khoảng 90 km về phía bắc, bao gồm toàn bộ xã Hữu Liên và một phần của xã Yên Thịnh thuộc huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn. Hữu Liên có tên trong Quyết định 194/CT, ngày 9/8/1986 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, với diện tích 3.000 ha (Bộ NN và PTNT), mục tiêu nhằm bảo tồn rừng trên núi đá vôi và loài Hươu xạ (Cao Văn Sung 1995).

Ban quản lý khu bảo tồn được thành lập năm 1989 theo Quyết định Số 10/QĐ-KL, ngày 10/6/1989, của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lạng Sơn. Năm 1990 dự án đầu tư thành lập khu bảo tồn Hữu Liên được xây dựng (Anon. 1990), đề xuất diện tích cho khu bảo tồn 10.640 ha và diện tích vùng đệm khoảng 10.000 ha. Dự án đầu tư đã được Bộ Lâm nghiệp phê duyệt năm 1992 (Cục Kiểm Lâm 1998).

Khu bảo tồn thiên nhiên Hữu Liên có trong danh sách đề xuất các khu rừng đặc dụng đến năm 2010 với diện tích 10.640 ha, trong đó có 9.082 ha rừng (Cục Kiểm Lâm 1998).

Địa hình và thủy văn

Khu Bảo tồn Thiên nhiên Hữu Liên có cảnh quan nổi bật là núi đá vôi. Theo dự án đầu tư (Anon. 1990) khu bảo tồn có 9.734 ha diện tích núi đá vôi, chiếm 91% diện tích, trong đó diện tích rừng trên núi đá vôi là 9.082 ha, chiếm 93% diện tích núi đá vôi. Khối núi đá vôi bị chia cắt bởi 2 thung lũng khá bằng phẳng chạy theo hướng bắc nam ở trung tâm khu bảo tồn. Hai thung lũng này có độ cao khoảng 100 m so với mực nước biển. Đỉnh cao nhất trong khu bảo tồn là Núi Kheng 638 m.

Trong khu vực có hai hệ suối chính là suối Bục và suối An. Ngoài ra, trong khu bảo tồn còn có 4 hồ nước là hồ Giang Ca (125 ha), hồ Đèo Long (60 ha), hồ Lan Đạt (30 ha) và hồ Lan Ty (19 ha).

Đa dạng sinh học

Thảm thực vật ở Khu Bảo tồn Thiên nhiên Hữu Liên chủ yếu là rừng trên núi đá vôi. Bước đầu đã ghi nhận được 794 loài thực vật bậc cao có mạch thuộc 162 họ, trong đó có 31 loài được ghi trong Sách đỏ Việt Nam, đặc biệt đáng chú ý là các loài: Hoàng đàn *Cupressus torulosa*, Nghiến

Burretiodendron tonkinensis, Trai *Garcinia fagraeoides* (Nguyễn Xuân Đặng *et al.* 1999).

Từ năm 1998, Nguyễn Xuân Đặng *et al.* (1999) đã tiến hành nghiên cứu khu hệ động vật Hữu Liên và bước đầu đã ghi nhận được 57 loài thú, 23 loài bò sát, 14 loài lưỡng cư. Trong số đó, có 29 loài được ghi trong Sách đỏ Việt Nam. Theo kết quả giám định mẫu tiêu bản, Nguyễn Xuân Đặng *et al.* (1999) đã khẳng định sự có mặt của loài Hươu xạ *Moschus berezovskii* trong khu bảo tồn. Theo Đặng Ngọc Cẩn và Nguyễn Xuân Đặng (1999a) ước tính có khoảng 83 cá thể loài Hươu xạ phân bố trong Khu bảo tồn thiên nhiên Hữu Liên. Phát hiện này rất có ý nghĩa trong công tác bảo tồn, bởi vì cho tới nay, mới chỉ phát hiện được loài Hươu xạ ở một khu vực khác là khu bảo tồn thiên nhiên Kim Hỷ, tỉnh Bắc Cạn (xem phần Kim Hỷ).

Nguyễn Xuân Đặng *et al.* (1999) còn ghi nhận hai loài linh trưởng là: Voọc đen má trắng *Semnopithecus francoisi francoisi* và Vượn đen *Hylobates concolor* phân bố trong khu bảo tồn. Tuy nhiên, những ghi nhận này mới chỉ dựa trên các tài liệu phỏng vấn, căn cứ vào tình trạng săn bắn và mức độ tác động tới rừng hiện nay thì có thể hai loài này không còn có trong khu bảo tồn (T. Osborn pers. comm.).

Các vấn đề về bảo tồn

Trong Khu bảo tồn thiên nhiên có 2.658 người dân sinh sống thuộc xã Hữu Liên, gồm các dân tộc: Kinh, Tày, Nùng và Dao (Đặng Ngọc Cẩn và Nguyễn Xuân Đặng 1999b). Mức độ phụ thuộc của người dân vào nguồn tài nguyên rừng trong khu bảo tồn tương đối cao như khai thác vật liệu làm nhà, thực phẩm, dược liệu. Lê Xuân Cảnh và Đỗ Anh Dũng (2000) cho rằng săn bắt và buôn bán động vật là áp lực rất lớn đối với các loài động vật hoang dã ở tỉnh Lạng Sơn, đặc biệt là việc săn bắn loài Hươu xạ ở Khu bảo tồn thiên nhiên Hữu Liên. Đặng Ngọc Cẩn và Nguyễn Xuân Đặng (1999a) đã ghi nhận được 14 con Hươu xạ bị bắn trong Khu bảo tồn thiên nhiên Hữu Liên trong năm 1997, và 6 tháng đầu năm 1999 có 10 con đã bị bắn trong khu vực này. Rõ ràng là với chỉ khoảng

100 cá thể loài Hươu xạ phân bố trong khu vực thì mức độ săn bắn như trên không thể đảm bảo tính bền vững.

Các giá trị khác

Khu bảo tồn thiên nhiên Hữu Liên có nhiều loài thực vật có giá trị kinh tế cao, ví dụ như Nghiến *Burretiodendron tonkinensis* được sử dụng làm nhà và sản xuất thốt xuất khẩu sang Trung Quốc, và Hoàng đàn *Cupressus torulosa* bị khai thác để lấy tinh dầu, được bán với giá 20.000 đồng/kg.

Các dự án có liên quan

Năm 1998, Phòng Động vật, Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật đã tiến hành khảo sát khu hệ động vật Khu Bảo tồn Thiên nhiên Hữu Liên.

Năm 1999, Phòng Động vật, Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật đã thực hiện công trình thuần hoá loài Hươu xạ và một số loài động vật quý hiếm khác tại Khu Bảo tồn Thiên nhiên Hữu Liên.

Năm 2000, Tổ chức Khám Phá môi trường (Frontier - Vietnam) và Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật đã tiến hành một đợt khảo sát đa dạng sinh học tại Khu bảo tồn thiên nhiên Hữu Liên. Đối tượng được nghiên cứu là thảm thực vật, chim, bướm, và bò sát.

Tài liệu tham khảo

Anon. (1990) [Investment plan for Huu Lien Nature Reserve, Huu Lung district, Lang Son province]. Lang Son: Lang Son Provincial People's Committee. In Vietnamese.

Anon. (2000) Huu Lien expedition: April-June 2000. Unpublished report to Frontier-Vietnam Forest Research Programme.

Dang Ngoc Can and Nguyen Xuan Dang (1999a) Some biological and ecological characteristics of Musk Deer *Moschus berezovskii* Flerov, 1929 in Vietnam. Pp 42-47 in: Le Sau ed. [Protection and sustainable development of forest and biodiversity in limestone areas of Vietnam] Hanoi: Forest Inventory and Planning Institute. In Vietnamese.

Dang Ngoc Can and Nguyen Xuan Dang (1999b) [The genetic resources of Musk Deer in Vietnam should be well preserved]. Lam Nghiep [Vietnam Forest Review] March/April 1999: 31-34. In Vietnamese.

Dang Ngoc Can, Nguyen Xuan Dang and Nguyen Truong Son (2000) Biodiversity of mammalian fauna in Huu Lien, Lang Son. Tap Chi Sinh Hoc [Journal of Biology] 22(15) CD: 117-121. In Vietnamese.

Do Huu Thu, Tran Dinh Ly, Ha Van Tue, Le Dong Tan and Nguyen Van Phu (2000) [Studies on the structure, composition and dynamics of the vegetation of Huu Lung limestone area, Lang Son province]. Hanoi: Institute of Ecology and Biological Resources. In Vietnamese.

Le Xuan Canh and Do Anh Dung (2000) The status of some easy-hunted mammal species in Lang Son. Lam Nghiep [Vietnam Forest Review] June 2000: 25-27. In Vietnamese.

Nguyen Huy Dung and Vu Van Dung (1998) Report on biodiversity of the forest on limestone area in Lang Son province. Paper presented at National Seminar of the MacArthur Foundation Grantees in Vietnam, Hanoi, 2 to 3 October 1998.

Nguyen Truong Son and Nguyen Xuan Dang (2000) Preliminary results of surveys of bats (Chiroptera) in Phong Nha-Ke Bang (Quang Binh province) and Huu Lien (Lang Son province). Tap Chi Sinh Hoc [Journal of Biology] 22(15) CD: 145-150. In Vietnamese.

Nguyen Van Sang, Ho Thu Cuc and Nguyen Quang Truong (2000) The component of species of reptiles and ampibians in the Huu Lien Nature Reserve, Lang Son province. Tap Chi Sinh Hoc [Journal of Biology] 22(15) CD: 6-10. In Vietnamese.

Nguyen Xuan Dang, Dang Ngoc Can, Nguyen Van Sang and Nong Thi Loc (1999) [Survey on current status of wild animals (mammals, reptiles and amphibians) in Huu Lien Nature Reserve, Huu Lung district, Lang Son province]. Hanoi: Institute of Ecology and Biological Resources. In Vietnamese.